BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành theo Quyết định số 788/QĐ-ĐHLĐXH ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ NGÀNH : 8340101

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
- Tên tiếng Anh: **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Tên tiếng Anh: Master of Business Administration

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động - Xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm giúp học viên phát triển các kiến thức, có năng lực chuyên sâu, năng lực nghiên cứu và phát hiện các vấn đề và giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh. Chương trình cũng nhằm mục tiêu cung cấp cho người học những kỹ năng để tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của lĩnh vực quản trị kinh doanh; khả năng học tập, nghiên cứu trở thành nhà nghiên cứu, giảng viên tại các trường đại học, các viện nghiên cứu chuyên ngành.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

Sau khi học xong chương trình, người học đạt được các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm như sau:

PO1: Có phương pháp tư duy khoa học, kiến thức nâng cao về quản trị kinh doanh hiện đại; các kiến thức về kinh tế và kinh doanh vận dụng trong quản trị kinh doanh.

PO2: Nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp.

PO3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các vấn đề quản trị kinh doanh, đồng thời nâng cao kỹ năng ứng dụng, để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

PO4: Có kỹ năng điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.

PO5: Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp về lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PO6: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

PO7: Vận hành và triển khai các chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, giải quyết các tình huống trong kinh doanh và quản trị, ra các quyết định quản trị tối ưu, phù hợp với đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

PO8: Hiểu và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm hài hòa các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

1.3.1. Điều kiện dự thi

(1). Về văn bằng:

Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành dự thi		**Quy định về học bổ sung kiến thức**
Ngành đúng, ngành phù hợp	- Ngành tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc - Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành	Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức khi dự thi
Ngành gần	- Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may. - Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 01 học phần: Quản trị

	Lao động – Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	chiến lược (02 tín chỉ/ học phần)
Ngành khác	a.Tốt nghiệp đại học thuộc một trong số các ngành sau: - Tài chính – Ngân hàng - Bảo hiểm - Kế toán - Kiểm toán - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 02 học phần: Quản trị chiến lược và Quản trị Marketing (02 tín chỉ/ học phần)
	b. Thí sinh tốt nghiệp không thuộc các ngành nêu trên	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 05 học phần: Kinh tế vi mô; Quản trị chiến lược; Quản trị Marketing; Quản trị học; Lý thuyết tổ chức; (02 tín chỉ/ học phần).

(2). Về thâm niên công tác, chuyên môn:

+ Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

+ Thí sinh tốt nghiệp ngành khác phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

(3). Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

(4). Có đủ sức khỏe để học tập.

(5). Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường.

1.3.2 Đối tượng và chính sách ưu tiên

1.3.2.1. Đối tượng

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái, công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động,;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a nêu trên;

e) Con đẻ của người kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân cấp cấ tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

1.3.2.2. Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi chủ chốt nếu cả 02 môn thi đạt điểm trên 5, nếu một trong hai môn thi đạt điểm dưới 5 thì được cộng điểm vào môn thi đạt điểm dưới 5.

1.3.3. Môn thi tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển

- Các môn thi tuyển:

+ Tiếng Anh

+ Quản trị học (Môn chủ chốt)

+ Kinh tế học vi mô

- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của *Trường* thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp quy định theo bảng dưới đây:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

- Điều kiện trúng tuyển:

+ Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

+ Căn cứ chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

+ Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

+ Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được *Hiệu trưởng* căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và Quy định đào ạo

trình độ Thạc sĩ của Trường, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Đạt trình độ ngoại ngữ do *Hiệu trưởng* quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường;

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho *Trường* để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của *Trường* theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Lao động - Xã hội;

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối kiến thức và lập luận về ngành		**Số tín chỉ**	**Tỷ lệ %**
1	Kiến thức chung	4	6,67%
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	44	73,33%
3	Luận văn thạc sĩ	12	20%
Tổng cộng		**60**	**100%**

2.2. Khung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ (Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)					Mã HP Trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
I. Kiến thức chung				**6**	**6**					
1	CHTH 501	Triết học	Philosophy	4	4					
2	QKPP 502	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Research Methodology in Business	2	2					
II. Kiến thức cơ sở				**15**						
2.1	***Các học phần bắt buộc***			***9***	9					
1	QKVX 503	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Advanced Macroeconomics	3	3					
2	QKVI 504	Kinh tế vi mô ứng dụng	Applied Microeconomics	3	3					
3	QKQT 505	Quản trị chiến lược kinh doanh	Corporate Strategic Management	3	3					
2.2	***Các học phần tự chọn (chọn 2/4)***			***6***	6					
1	QKTĐ 511	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp	Change Management	3	3					
2	QKQL 512	Quản lý Nhà nước về kinh tế	State Management in the Economy	3	3					
3	QKPL 513	Pháp luật trong kinh doanh	International Business Law in business	3	3					
4	QKKP 514	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập	Economic development in conditions of integration	3	3					
II. Kiến thức chuyên ngành				**27**						
3.1	***Các học phần bắt buộc***			***15***	15					
1	QKDA 506	Phân tích dự án đầu tư	Investment Project Analysis	3	3					
2	QTRR 507	Quản tri rủi ro nâng cao	Advanced Risk Management	3	3					
3	QTTH 508	Quản trị Thương hiệu	Brand Management	3	3					
4	QKLĐ 509	Lãnh đạo doanh nghiệp	Corporate Leadership	3	3					
5	QKQN 510	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp	Human resource management	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ (Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)					Mã HP Trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
3.2	***Học phần tự chọn (chọn 4/8)***			***12***						
1	KQKT 515	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Advanced Corporate Finance Management	3	3					
2	QKKH 516	Quản trị quan hệ khách hàng	Customer Relationship Management	3	3					
3	QKTN 517	Quản trị tác nghiệp	Operations Management	3	3					
4	QKQT 518	Kinh doanh quốc tế	International Business	3	3					
5	QKCC 519	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	Advanced Supply Chain Management	3	3					
6	QKTM 520	Thương mại quốc tế	International Trade.	3	3					
7	QKCT 521	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	Corporate’s Competitive Advantage	3	3					
8	QKVH 522	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Corporate Culture and Business Ethics.	3	3					
IV. LUẬN VĂN THẠC SĨ (QTKD. 417)			Final Internship	***12***			12			

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ			
			I	II	III	IV
I	**Kiến thức chung**	**4**				
1	Triết học	4	4			
II.	**Kiến thức cơ sở và chuyên ngành**	**44**				
2.1	**Kiến thức cơ sở**	**17**				
2.1.1	***Các học phần bắt buộc***	***11***				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	2			
2	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	3			
3	Kinh tế vi mô ứng dụng	3		3		
4	Quản trị chiến lược kinh doanh	3	3			
2.1.2	***Các học phần tự chọn*** *(chọn 2 trong 4 học phần sau)*	***6***				
1	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp	3	3			
2	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3		3		
3	Pháp luật trong kinh doanh	3	3			
4	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập	3	3			
2.2.	**Kiến thức chuyên ngành**	**27**				
2.2.1	***Các học phần bắt buộc***	***15***				
1	Phân tích dự án đầu tư	3	3			
2	Quản tri rủi ro nâng cao	3		3		
3	Quản trị thương hiệu	3		3		
4	Lãnh đạo doanh nghiệp	3		3		

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ			
			I	II	III	IV
5	Quản trị nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	3		3		
2.2.2	***Các học phần tự chọn*** *(chọn 4 trong 8 học phần sau)*	**12**				
1	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3			3	
2	Quản trị quan hệ khách hàng	3		3		
3	Quản trị tác nghiệp	3			3	
4	Kinh doanh quốc tế	3		3		
5	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	3			3	
6	Thương mại quốc tế	3			3	
7	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	3			3	
8	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3			3	
III.	**Luận văn thạc sĩ**	**12**				**12**
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	**60**				

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Triết học

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này được thiết kế nhằm giúp cho học viên nắm vững kiến thức cơ bản nhất về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, bước đầu thực hiện được một nghiên cứu khoa học. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.

3. Kinh tế vĩ mô nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, thất nghiệp,…Hệ thống các mục tiêu và công cụ kinh tế vĩ mô; các chính sách kinh tế vĩ mô; mô hình IS-LM và kinh tế vĩ mô trong điều kiện mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế

4. Kinh tế vi mô ứng dụng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa; lý thuyết cung cầu thị trường và phúc lợi; lựa chọn của người tiêu dùng và ứng dụng độ co giãn của cầu; lý thuyết hành vi người sản xuất và tổ chức ngành; thị trường các yếu tố sản xuất như tài nguyên, sức lao động.

5. Quản trị chiến lược kinh doanh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức về tư duy quản trị chiến lược hiện đại, đảm bảo sự cân bằng giữa hệ thống chiến lược và sự thay đổi của môi trường; triển khai thực hiện chiến lược qua bản đồ chiến lược; kiểm soát chiến lược trong doanh nghiệp bằng công cụ thẻ điểm cân bằng BSC.

6. Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Cơ sở lý luận về sự thay đổi trong doanh nghiệp; Hoạch định sự thay đổi trong doanh nghiệp;

Các vấn đề thường gặp và phương pháp tiếp cận để thay đổi cơ cấu doanh nghiệp; Các bước tiến hành thay đổi cơ cấu doanh nghiệp; Quản trị sự thay đổi trong thế kỷ 21; và thực hành quản trị sự thay đổi trong một số tình huống minh họa cụ thể.

7. Quản lý nhà nước về kinh tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: vai trò của nhà nước trong quản lý kinh tế, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; các nội dung thuộc nội hàm của quản lý nhà nước về kinh tế như chức năng, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và công cụ và bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. Cùng với đó, học phần cũng trang bị kiến thức về hoạt động quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và quản lý nhà nước đối với

kinh tế đối ngoại. Đây là những lĩnh vực cụ thể, phù hợp với chuyên ngành đào tạo cao học Quản trị kinh doanh và bối cảnh doanh nghiệp hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới hiện nay.

8. Pháp luật trong kinh doanh

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Pháp luật về mua bán hàng hoá; Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại ; Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại ; Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại; Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại; Pháp luật về dịch vụ logistics; Pháp luật về đấu giá hàng hoá; Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ; Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác; Chế tài thương mại ; Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại ; Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại; Pháp luật về cạnh tranh

9. Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Lý luận phát triển và phát triển bền vững nền kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; hiện đại hóa và phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia; đô thị hóa, môi trường, công bằng và hòa nhập xã hội

10. Phân tích dự án đầu tư

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Các khía cạnh kinh tế xã hội khi nghiên cứu dự án đầu tư; các kỹ thuật phân tích về tài chính, về lợi ích kinh tế xã hội của dự án; phương pháp so sánh để lựa chọn phương án đầu tư tối ưu nhất.

11. Quản trị rủi ro nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ đối với cá nhân mà còn rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc ứng phó với những tình huống xấu có thể xảy ra, từ đó có thể hạn chế những thiệt hại đáng tiếc. Môn học này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc, mô hình, tiêu chuẩn trong quản trị rủi ro, đặc biệt có phân tích các nhân tố vi mô và vĩ mô thường ảnh hưởng nhiều nhất đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro mô hình hoạt động, rủi ro nhân sự, rủi ro trong đầu tư,... cũng được giới thiệu trong môn học để người học có thêm kiến thức về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp.

12. Quản trị thương hiệu

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị thương hiệu giới thiệu những kiến thức chuyên sâu về thương hiệu và quản trị thương hiệu. Các nội dung chủ yếu trong học phần gồm: tổng quan về

thương hiệu, các nội dung cụ thể trong quản trị thương hiệu là định vị thương hiệu, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, cấu trúc thương hiệu và mở rộng thương hiệu, truyền thông thương hiệu, bảo hộ thương hiệu, đo lường và khai thác tài sản thương hiệu.

13. Lãnh đạo doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức sau: Giới thiệu chung về doanh nghiệp; bộ máy lãnh đạo trong doanh nghiệp;đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp; chỉ số hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo doanh nghiệp và phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp

14. Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp nghiên cứu cách thức quản lý con người trong doanh nghiệp nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả chung của doanh nghiệp, với sự bùng nổ thông tin, giao lưu, hội nhập quốc tế và những thay đổi về mọi mặt do toàn cầu hóa mang lại.

15. Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp: Nguyên tắc quản trị tài chính hiện đại, đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, quản trị dòng tiền, cơ cấu vốn và chi phí vốn, lý thuyết cơ bản của định giá doanh nghiệp. Học phần cũng nghiên cứu về kế hoạch tài chính dài hạn của một doanh nghiệp. Một số vấn đề đến mua bán, sáp nhập và kiệt quệ tài chính, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp.

16. Quản trị quan hệ khách hàng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất của quản trị quan hệ khách hàng; những công việc chủ yếu trong quản trị quan hệ khách hàng; hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng; quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và những tác nghiệp cụ thể trong quản trị quan hệ khách hàng.

17. Quản trị tác nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị chiến lược cung cấp những kiến thức cơ bản với các nội dung chính: Tổng quan về quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh; Các loại chiến lược trong kinh doanh; Lựa chọn và thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

18. Kinh doanh quốc tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Kinh doanh quốc tế giới thiệu bảy chương. Chương 1 trình bày về tổng quan kinh doanh quốc tế, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, vai trò, động cơ tham gia kinh doanh quốc tế, các yếu tố thúc đẩy hoạt động kinh doanh quốc tế, các hoạt động kinh doanh quốc tế. Chương 2 trình bày về môi trường kinh doanh quốc tế gồm môi trường bên trong và môi trường bên ngoài doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Chương 3 trình bày về chiến lược kinh doanh quốc tế, gồm: vai trò, các yếu tố ảnh hưởng, các loại hình chiến lược, cấu trúc tổ chức doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày về quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế, đó là: quản trị hoạt động xuất nhập khẩu, quản trị đầu tư quốc tế. Các chương còn lại trình bày một số hoạt động quản trị chức năng trong doanh nghiệp kinh doanh quốc tế như: quản trị sản xuất và logistics, marketing, rủi ro trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Học phần này cung cấp kiến thức lý thuyết cũng như thực tế, giúp người học hiểu sâu về hoạt động kinh doanh quốc tế.

19. Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Lý luận cơ bản về Quản trị chuỗi cung ứng; quản trị hậu cần đầu vào; quản trị hậu cần đầu ra; quản trị dự trữ và Xây dựng quan hệ liên kết trong chuỗi cung ứng.

20. Thương mại Quốc tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần tập trung vào các nội dung kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế, các học thuyết cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế; kỹ năng phân tích các công cụ thuế quan và phi thuế quan; kỹ năng phân tích và ứng dụng các biện pháp phòng vệ thương mại; hiểu được vai trò của các liên minh kinh tế đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

21. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế; các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh; các tiêu chí đánh giá và các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

22. Văn hóa và đạo đức kinh doanh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chung về và những kỹ năng cần thiết văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về đó trong hoạt động kinh doanh. Học phần này tập trung nghiên cứu và

bàn luận về trách nhiệm đạo Ngoài ra môn học sẽ giúp người học khám phá những vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh liên quan đến những xung đột phức tạp trong hoạt động kinh doanh. Người học sẽ tiếp cận được các phạm trù văn hoá, đạo đức trong môi trường cạnh tranh hội nhập quốc tế cũng như cách thức mà doanh nghiệp đối phó với các ràng buộc mang tính đạo đức nhằm hướng đến sự cân bằng giữa lợi ích kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

23. Luận văn thạc sĩ QTKD

Số tín chỉ: 12 tín chỉ

Học phần sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở nền tảng và được hướng dẫn trực tiếp để thực hiện luận văn thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh. Học viên vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn có liên quan đến kinh tế, quản trị doanh nghiệp, kinh doanh. Biết tiến hành các bước nghiên cứu khoa học, hoàn thiện luận văn thạc sĩ theo phương pháp khoa học và trình bày báo cáo kết quả trước Hội đồng cũng như đăng báo khoa học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC
(Ban hành theo Quyết định số 788/QĐ-ĐHLĐXH ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: **TRIẾT HỌC** Tên tiếng Anh: **PHILOSOPHIA**
2. Mã học phần	CHTH501
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	4 (3;1)
5. Học phần tiên quyết	Không có
6. Phương pháp giảng dạy	• Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của từng bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. • Thuyết giảng (Lucture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Học viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt. • Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong quá trình dạy học, giảng viên sử dụng câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn học viên từng bước trả lời các câu hỏi. • Thảo luận nhóm (Discussion) - TLM7: Học viên hoạt động theo nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (Case Study) do giảng viên giao. Phương pháp này vừa giúp học viên rèn luyện kỹ năng tổ chức làm việc nhóm và làm việc theo nhóm; luyện kỹ năng nghe và phát triển quan điểm cá nhân trong quan điểm nhóm, ra quyết định theo nhóm, giải quyết các vấn đề theo nhóm và phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. • Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Giảng viên đưa ra các

	bài tập dưới dạng tình huống có vấn đề, học viên cần luyện ứng dụng kỹ năng giải quyết vấn đề vào để giải quyết tình huống có vấn đề đó. • Học nhóm (Teamwork Learning)- TLM10: Giảng viên tổ chức lớp học phân thành nhiều nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ học tập theo nhóm để nhóm học viên cùng nhau nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu, tìm kiếm giải pháp giải quyết các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm trước lớp (có thể kết hợp tổ chức tranh biện) với sự điều phối của giảng viên. • Bài tập ở nhà (Work Assignment) – TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Lý luận chính trị

8. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	+ Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. + Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội - nhân văn ở trình độ sau đại học.	PLO1	4/6
G2	+ Học viên vận dụng được các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực chuyên môn và công tác thực tế. + Vận dụng được những kiến thức đã học để hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí	PLO1	4/5

	Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.		
G3	+ Học viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho học viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	PLO6	4/5

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (CLOs)	**Mô tả chuẩn đầu ra**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U)**
CLO1	+ Học viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp học tập của môn học	I, T
CLO2	+ Học viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học; nắm được lịch sử triết học, những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học trong đời sống xã hội.	I, T
CLO3	+ Học viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác	T, U
CLO4	+ Học viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.	U
CLO5	+ Vận dụng được những kiến thức đã học để hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu	U

	biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	
CLO6	+ Học viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	T, U
CLO7	+ Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho học viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Thông qua việc nghiên cứu Triết học, học viên hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng những kiến thức môn học vào trong quá trình công tác cũng như việc phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục… của Đảng, Nhà nước.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	**Nội dung**	**Đáp ứng CĐR HP (CLOs)**	**Hoạt động dạy và học (CLOs)**	**Bài đánh giá (AMs)**
1-5	Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái niệm triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học 1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử 1.2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử 1.2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông 1.2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8 TLM10, TLM15. Học: Học viên quan sát, lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1 AM2

	1.3. Triết học Mác-Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội 1.3.1. Triết học Mác – Lênin 1.3.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin đối với nhận thức và thực tiễn 1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam 1.4.1. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam 1.4.2. Sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn cách mạng Việt Nam			
	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN 2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây 2.1.1. Khái niệm bản thể luận	CLO2 CLO3 CLO4		AM1 AM2
6-10	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN (tiếp) 2.1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó 2.1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Tây, trong lịch sử đương đại và giá trị của nó 2.2. Nội dung bản thể luận của triết học Mác – Lênin 2.2.1. Cách tiếp cận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1 AM2

	giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác - Lênin 2.2.2. Quan niệm của triết học Mác - Lênin vật chất 2.3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan 2.3.1. Khái niệm "khách quan" và "chủ quan" 2.3.2. Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan 2.3.3. Ý nghĩa phương pháp luận đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam			
21-25	Chương 3: PHÉP BIỆN CHỨNG 3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử 3.1.1. Phương pháp siêu hình 3.1.2. Phương pháp biện chứng 3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 3.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 3.2.2. Những quy quy luật cơ bản và những cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Day: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1 AM2
31-35	Chương 4: NHẬN THỨC LUẬN 4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức luận 4.1.1. Mục đích, bản chất và nguồn gốc của nhận thức 4.1.2. Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên	AM1 AM2

	4.1.3. Về khả năng nhận thức của con người 4.1.4. Sự thống nhất và đa dạng của các kiểu tri thức 4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 4.2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 4.3 Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 4.3.1. Giai đoạn nhận thức cảm tính (trực quan sinh động) 4.3.2. Giai đoạn nhận thức lý tính (tư duy trừu tượng) 4.3.3. Quan hệ biện chứng giữa hai giai đoạn nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính 4.3.4. Biện chứng trong quá trình nhận thức 4.3.5. Quan điểm duy vật biện chứng về chân lý 4.4. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội *4.4.1.* Tính đặc thù của nhận thức xã hội 4.4.2. Các phương pháp nhận thức khoa học 4.4.3. Những nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn 4.5. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay 4.5.1. Nội dung của nguyên tắc 4.5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lí luận và thực tiễn 4.5.3. Vận dụng nguyên		cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	

	tắc thống nhất lí luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay			
36-40	Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại 5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 5.2.1. Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội 5.2.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất vật chất và quan hệ sản xuất vật chất 5.2.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 5.2.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1 AM2
41-45	Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI (tiếp) 5.3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.1. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 5.3.2. Các quan điểm khác nhau về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội 5.3.3. Vấn đề lựa chọn	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1 AM2

	con đường phát triển của xã hội Việt Nam 5.3.4. Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam			
51-55	Chương 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ 6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học 6.1.1. Quan niệm của triết học ngoài mácxit về chính trị 6.1.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị 6.1.3. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị 6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội 6.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp 6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay 6.3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI 7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội 7.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội 7.1.2. Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội 7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 7.2.1. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội 7.2.2. Tính độc lập tương	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1 AM2

	đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội			
56-60	Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI (tiếp) 7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay 7.3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay 7.3.2. Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1 AM2
	Ra đề tiểu luận để học viên làm thay bài kiểm tra quá trình	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: nghiên cứu tài liệu, viết tiểu luận trong 01 tuần.	AM7
66-70	Chương 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử 8.1.1. Quan điểm về con người trong triết học phương Đông 8.1.2. Quan điểm về con người trong triết học phương Tây trước Mác 8.2. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người 8.2.1. Khái niệm con người 8.2.2. Vai trò của con người là chủ thể của thực tiễn lịch sử 8.2.3. Hiện tượng tha	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1 AM2

	hoá của con người và vấn đề giải phóng con người 8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh 8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay 8.4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người 8.4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay			
Tổng cộng: 45 giờ TC				
THỰC HÀNH:				
11-15	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN Câu hỏi thảo luận: Vận dụng kiến thức đã học ở mục 2.1 và mục 2.2 trong chương 2 vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị).	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 TLM10, TLM15 Học: Học viên tổng kết thảo luận (có biên bản thảo luận).	AM1 AM2
16-20	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN Câu hỏi thảo luận: Vận dụng kiến thức đã học ở mục 2.3 chương 2 vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị).	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 TLM10, TLM15 Học: Học viên tổng kết thảo luận (có biên bản thảo luận).	AM1 AM2
26-30	Chương 3: PHÉP BIỆN CHỨNG Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 TLM10, TLM15 Học: Học viên tổng kết thảo luận (có biên bản thảo luận).	AM1 AM2

46-50	Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị).	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 TLM10, TLM15 Học: Học viên tổng kết thảo luận (có biên bản thảo luận).	AM1 AM2
61-65	Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp Vận dụng kiến thức đã học ở chương 7 vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị).	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 TLM10, TLM15 Học: Học viên tổng kết thảo luận (có biên bản thảo luận).	AM1 AM2
71-75	Chương 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp Vận dụng kiến thức đã học ở chương 8 vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị).	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 TLM10, TLM15 Học: Học viên tổng kết thảo luận (có biên bản thảo luận).	AM1 AM2
Tổng cộng: 30 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	**Điểm thành phần (trọng số)**	**Bài đánh giá**	**CĐR môn học**	**Tỷ lệ**
	A1. Điểm chuyên cần (20%)	AM1	CLO1 CLO2	10%
		AM2	CLO4, CLO5 CLO6, CLO7	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM7	CLO2, CLO3 CLO4, CLO5 CLO6, CLO7	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO2, CLO3 CLO4, CLO5 CLO6, CLO7	60%
13. Tài liệu phục vụ học	**Tài liệu/giáo trình chính**	[1] Nguyễn Thị Giáng Hương (2017), Sách chuyên khảo học phần triết học (Dành cho		

phần		cao học và nghiên cứu sinh khối không chuyên ngành triết học), NXB Dân trí, Hà Nội	
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nguyễn Văn Tài, Phạm Văn Sinh (2014), Giáo trình triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học). Nxb đại học Sư phạm, Hà Nội. [3] https://dangcongsan.vn [4] https://www.tapchicongsan.org.vn	
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	**Nội dung**	**Số giờ TC**	**Nhiệm vụ của học viên**
	Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử 1.3. Triết học Mác-Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội 1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam	8	Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 1 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 1 ở tài liệu 1,2. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web [3], [4]
	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN 2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây 2.2. Nội dung bản thể luận của triết học Mác - Lênin 2.3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan	18	Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 2 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 2 ở tài liệu 1,2. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web [3], [4]
	Chương 3: PHÉP BIỆN CHỨNG 3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử	24	Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 3 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 3 ở

	3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật		tài liệu 1,2. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web [3], [4]
	Chương 4: NHẬN THỨC LUẬN 4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức luận 4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 4.3 Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 4.4. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội 4.5. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	12	Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 4 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 4 ở tài liệu 1,2. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web [3], [4]
	Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại 5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 5.3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	20	Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 5 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 5 ở tài liệu 1,2. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web [3], [4]

	Chương 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ 6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học 6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội 6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay	8	Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 6 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 6 ở tài liệu 1,2. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web [3], [4]
	Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI 7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội 7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay	12	Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Học viên đọc tài liệu chương 7 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 7 ở tài liệu 1,2. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web [3], [4]
	Chương 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử 8.2. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người 8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh 8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt	14	Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Học viên đọc tài liệu chương 8 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 8 ở tài liệu 1,2. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web [3], [4]

	Nam hiện nay		
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	**Họ và tên**	**Học hàm, học vị**	**Chuyên môn**
	Nguyễn Thị Giáng Hương	Tiến sĩ	Triết học
	Đoàn Thị Thu Hà	Tiến sĩ	Triết học

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng